

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HỆN E
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2023

V/v: *Kiện ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HỆN E

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hoàng Sơn.

2. Ông Nguyễn Khắc Vũ.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đặng Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện E, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Trịnh Văn Hai – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2023 tại Phòng xử án - Tòa án nhân dân Huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 128/2023/TLST - HNGĐ, ngày 17 tháng 4 năm 2023, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị L, sinh năm 1984; Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea T, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Anh Mò Văn K, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 3, xã Ea T, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn K kiện, bản tự khai và quá trình làm việc nguyên đơn chị Lý Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị L và anh Mò Văn K chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea T, Huyện E, tỉnh Đắk Lắk năm 2014. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị không hạnh phúc. Nguyên nhân

là do anh K thường xúc phạm danh dự, chửi bới chị L. Chị L đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để con cái có gia đình đầy đủ nhưng anh K không thay đổi. Nay nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với anh K được nữa nên chị L K kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị Lý Thị L được ly hôn với anh Mò Văn K.

Về nuôi con chung: Chị Lý Thị L và anh Mò Văn K có 03 con chung: Mò Quang H, sinh ngày 17/9/2004, cháu Mò Thị Hên C, sinh ngày 23/02/2006, cháu Mò Thế V, sinh ngày 18/6/2015. Nay ly hôn cháu H đã trưởng thành nên chị L không có ý kiến gì. Cháu C và cháu V còn nhỏ chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục hai cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị L không yêu cầu anh Mò Văn K cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Lý Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của hai cháu Mò Thị Hên C và Mò Thế V đều có nguyện vọng được sống với chị L.

Đối với bị đơn anh Mò Văn K: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập hợp lệ anh Mò Văn K nhưng anh K vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Hện E áp dụng thủ tục niêm yết công khai đối với anh Mò Văn K theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Hện E phát biểu quan điểm về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án về cơ bản là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc chị L K kiện yêu cầu ly hôn với anh K là có căn cứ. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu K kiện của nguyên đơn; chị L được ly hôn với anh K.

Về nuôi con chung: Cần giao hai cháu Mò Thị Hên C và cháu Mò Thế V cho chị Lý Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi trưởng thành. Cháu Mò Quang H, sinh ngày 17/9/2004, đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị L và anh Mò Văn K chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea T, Hện E theo Giấy chứng nhận kết hôn số 60, ngày 05/5/2014. Do mâu thuẫn, tính cách khác nhau nên trong quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn, hai người không còn chung quan điểm và cách sống, thường xuyên xảy ra cãi vã nên chị L K kiện yêu cầu ly hôn với anh K và Tòa án thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn anh Mò Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Nguyên đơn chị L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung: Chị Lý Thị L và anh Mò Văn K chung sống với nhau từ năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ea T, Hện E, tỉnh Đắk Lắk. Hai người chung sống và kết hôn trên cơ sở tự nguyện có qua thời gian tìm hiểu. Trong quá trình chung sống anh chị hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai người thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy chị L và anh K không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau, thực tế hôn nhân không còn tồn tại, nếu tiếp tục chung sống cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai người. Vì vậy, cần cho chị L và anh K được ly hôn, để giải phóng sự ràng buộc giữa hai người.

[3] Về nuôi con chung: Chị Lý Thị L và anh Mò Văn K có 03 con chung: Mò Quang H, sinh ngày 17/9/2004, cháu Mò Thị Hên C, sinh ngày 23/02/2006, cháu Mò Thế V, sinh ngày 18/6/2015.

Xét thấy, hiện tại cháu Mò Quang H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét. Hai cháu Mò Thị Hên C, Mò Thế V đang sống với chị Lý Thị L, hai cháu C, V cũng có nguyện vọng được sống với chị L. Vì vậy, cần giao cháu Mò Thị Hên C, sinh ngày 23/02/2006, cháu Mò Thế V, sinh ngày 18/6/2015 cho chị L được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Hiện tại chị Lý Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Lý Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

[6] Về án phí dân sự: Chị Lý Thị L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu K kiện của chị Lý Thị L, chị Lý Thị L được ly hôn với anh Mò Văn K.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Mò Thị Hên C, sinh ngày 23/02/2006, cháu Mò Thế V, sinh ngày 18/6/2015 cho chị Lý Thị L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Cháu Mò Quang H đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lý Thị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về tài sản chung: Chị Lý Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập, xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lý Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên chị L là người đồng bào dân tộc thiểu số thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp số tiền án phí nêu trên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Lý Thị L, bị đơn anh Mò Văn K có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND Hện E;
- Chi cục THADS Hện E;
- UBND xã Ea T (Số 60/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Xuân Cường